

Số: /TTr-UBND

Bình Định, ngày 30 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc xin chủ trương bổ sung các hạng mục đầu tư
sử dụng từ vốn dự của Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn
thuộc Dự án môi trường bền vững các thành phố Duyên hải**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục Dự án “Môi trường bền vững các thành phố duyên hải” vay vốn Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Quyết định số 1624/QĐ-TTg ngày 25/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Môi trường bền vững các thành phố duyên hải” do WB tài trợ;

Căn cứ Hiệp định tín dụng số 6027-VN và Hiệp định vay số 8745-VN ký ngày 27/10/2017 giữa Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hiệp hội phát triển quốc tế (IDA) và Ngân hàng Tái thiết và Phát triển quốc tế (IBRD);

Căn cứ Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 22/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định về chủ trương vay vốn Ngân hàng Thế giới để thực hiện Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định về việc bổ sung Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 22/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương vay vốn của Ngân hàng Thế giới để thực hiện Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ khoản 3, Điều 47 Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay

ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, theo đó: *Trường hợp thực sự cần thiết sử dụng vốn dư để phát huy hiệu quả và không dẫn đến thay đổi mục tiêu chính tại Quyết định chủ trương đầu tư của chương trình, dự án đang thực hiện: Cơ quan chủ quản phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và nhà tài trợ nước ngoài xác định hiệu quả, sự cần thiết để quyết định việc sử dụng vốn dư;*

Theo Thư ngày 15/01/2021 của Bà Carolyn Turk - Giám đốc quốc gia Ngân hàng Thế giới - Khu vực Đông Á và Thái Bình Dương đã thống nhất về mặt kỹ thuật về các hạng mục đầu tư, đồng thời thống nhất cho sử dụng vốn kết dư là 19,5 triệu USD để đầu tư các hạng mục bổ sung của Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn thuộc Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải;

Trên cơ sở Thư nêu trên của Bà Carolyn Turk - Giám đốc quốc gia Ngân hàng Thế giới - Khu vực Đông Á và Thái Bình Dương, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính có ý kiến thống nhất chủ trương sử dụng vốn kết dư là 19,5 triệu USD để đầu tư các hạng mục bổ sung của Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn thuộc Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải (tại Văn bản số 598/UBND-KT ngày 01/02/2021 của UBND tỉnh Bình Định);

Mặt khác, UBND tỉnh Bình Định đã trình Thủ tướng Chính phủ xem xét cho chủ trương sử dụng vốn vay dư để mở rộng, phát huy hiệu quả Dự án “Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn” vay vốn Ngân hàng Thế giới (tại Văn bản số 1047/UBND-KT ngày 02/3/2021 của UBND tỉnh Bình Định);

Căn cứ Văn bản số 1721/BKHĐT-KTĐN ngày 29/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sử dụng vốn vay dư Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Văn bản số 3152/BTC-QLN ngày 29/3/2021 của Bộ Tài chính về việc sử dụng vốn vay dư Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 1721/BKHĐT-KTĐN ngày 29/3/2021 và Bộ Tài chính tại Văn bản số 3152/BTC-QLN ngày 29/3/2021 về việc sử dụng vốn vay dư Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

Tiếp theo Văn bản số 1047/UBND-KT ngày 02/3/2021, UBND tỉnh Bình Định kính trình Thủ tướng Chính phủ quan tâm cho chủ trương sử dụng vốn dư để đầu tư các hạng mục bổ sung thuộc Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn, với các nội dung như sau:

I. Tóm tắt Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải (CCSEP)

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 về việc phê duyệt danh mục Dự án “Môi trường bền vững các thành phố duyên hải” vay vốn Ngân hàng Thế giới; Quyết định số 1624/QĐ-TTg ngày

25/10/2017 phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Môi trường bền vững các thành phố duyên hải” do Ngân hàng Thế giới tài trợ, với các nội dung như sau:

1. Nhà tài trợ: Ngân hàng Thế giới (WB).

2. Tổ chức thực hiện:

- Ủy ban nhân dân các tỉnh: Ninh Thuận, Khánh Hòa, Bình Định và Quảng Bình là cơ quan chủ quản các Dự án thành phần.

- Dự án được thực hiện tại: Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm (tỉnh Ninh Thuận), thành phố Nha Trang (tỉnh Khánh Hòa), thành phố Quy Nhơn (tỉnh Bình Định) và thành phố Đồng Hới (tỉnh Quảng Bình).

3. Mục tiêu chính của dự án: Nhằm đầu tư cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường, nâng cao sức khỏe của người dân các thành phố tham gia Dự án thông qua việc hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, tạo cảnh quan đô thị, hỗ trợ tăng cường quản lý dự án và cải cách thể chế nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người dân.

4. Các hợp phần và kết quả chính của dự án:

a) Hợp phần 1 – Hạ tầng vệ sinh:

Tăng cường năng lực thoát nước mưa, thiêu thoát lũ, chống ngập úng và thu gom, xử lý nước thải tại các thành phố; tăng cường năng lực thu gom và quản lý chất thải rắn; nâng cao vệ sinh trường học góp phần nâng cao ý thức cộng đồng về vệ sinh môi trường.

b) Hợp phần 2 – Hạ tầng môi trường:

Cải thiện được hạ tầng môi trường và tăng cường chống ngập lụt, tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ công cộng của người dân trong khu vực và thích ứng với biến đổi khí hậu cho người dân trong vùng dự án.

c) Hợp phần 3 – Tái định cư và giải phóng mặt bằng:

Hoàn thành xây dựng khu tái định cư, đền bù, di dời và đảm bảo sinh kế cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi Dự án trên nguyên tắc đảm bảo cuộc sống của người dân sau khi được đền bù hỗ trợ sẽ có mức sống bằng hoặc tốt hơn điều kiện sống trước khi Dự án được thực hiện.

d) Hợp phần 4 – Hỗ trợ kỹ thuật và cải cách thể chế:

Tăng cường năng lực quản lý dự án của các Chủ dự án, các hoạt động kiểm soát quá trình thực hiện dự án theo quy định pháp luật, các chương trình truyền thông hướng đến cộng đồng nhằm cung cấp thông tin, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người dân trong vùng Dự án.

5. Thời gian thực hiện Dự án: 05 năm kể từ khi ký Hiệp định.

6. Tổng mức đầu tư của Dự án: 273,594 triệu USD, cơ cấu như sau:

- Vốn ODA và vốn vay ưu đãi do WB tài trợ: 273,594 triệu USD, trong đó:

+ Vay Hiệp hội phát triển quốc tế (IDA): 190,1 triệu USD

+ Vay Ngân hàng Tái thiết và Phát triển quốc tế (IBRD): 46 triệu USD.

- Vốn đối ứng phía Việt Nam: 37,204 triệu USD, trong đó:

+ Tỉnh Ninh Thuận là 12,65 triệu USD

- + Tỉnh Khánh Hòa là 11,4 triệu USD
- + Tỉnh Bình Định là 5,244 triệu USD
- + Tỉnh Quảng Bình là 7,91 triệu USD.

7. Cơ chế tài chính trong nước:

- Phần vốn IDA: Ngân sách nhà nước cấp phát một phần và các tỉnh sẽ vay lại một phần, cụ thể như sau:

+ Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận: Vay lại 20%.

+ Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa : Vay lại 50%.

+ Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định: Vay lại 30%.

+ Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình : Vay lại 20%.

- Phần vốn IBRD: Ủy ban nhân dân các tỉnh tham gia Dự án vay lại toàn bộ.

8. Bảng tổng hợp chi phí đầu tư của từng thành phố trong Dự án CCSEP:

Hợp phần/ Hạng mục chi tiêu	Các thành phố tham gia (triệu đô la Mỹ)				Tổng
	Đồng Hới	Quy Nhơn	Nha Trang	Phan Rang	
1. Mở rộng hạ tầng vệ sinh	27.179	34.059	33.518	45.941	140.7
2. Cải thiện kết nối đô thị	9.873	3.456	11.210	6.707	31.2
3. Đền bù và giải phóng mặt bằng	3.664	0.564	8.250	12.646	25.1
4. Hỗ trợ thực hiện và cải cách thể chế	2.991	3.480	2.489	2.507	11.7
Các chi phí khác: Dự phòng, VAT & vốn hóa phí	14.721	13.745	16.533	19.901	35.0
Tổng	58.428	55.304	72.000	87.900	273.7
Bao gồm phân bổ của WB	50.218	50.084	60.600	75.250	236.2

II. Tóm tắt Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn thuộc Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải (Dự án CCSEP):

Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư; Hiệp định Tín dụng số 6027-VN và Hiệp định vay số 8745-VN ký ngày 27/10/2017 giữa Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hiệp hội phát triển quốc tế (IDA) và Ngân hàng Tái thiết và Phát triển quốc tế (IBRD);

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 09/12/2016; tại Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo nghiên cứu khả thi Tiểu

dự án thành phố Quy Nhơn thuộc Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải, với các nội dung như sau:

1. Mục tiêu của dự án:

Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải, Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn là tiếp nối kết quả đạt được của Dự án vệ sinh môi trường thành phố Quy Nhơn (giai đoạn 1). Theo đó tiếp tục mở rộng đầu tư xây dựng các tuyến cống thu gom nước thải cho các phường/xã còn lại của thành phố, hồ ga và đặc biệt tập trung xây dựng hệ thống cống cấp ba, các hồ ga đầu nối hộ gia đình, tạo điều kiện thuận lợi nhất để mọi người dân đầu nối nhằm đảm bảo thu gom nước thải tối đa cho Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình hoạt động đúng công suất đầu tư. Ngoài ra, Dự án còn phát triển hạ tầng cơ sở khác, kết nối các khu dân cư mới,... đảm bảo phù hợp với Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 14/4/2015.

2. Quy mô dự án:

2.1 Hợp phần 1: Mở rộng hạ tầng vệ sinh:

- Cải tạo kênh Phú Hòa bằng tuyến cống hộp đôi (*đoạn từ đường Trần Văn Kỷ đến đường Điện Biên Phủ*). Xây dựng tuyến cống bao thu gom nước thải phát sinh từ các hộ dân phía bờ Bắc tuyến cống hộp sau đó dẫn sang hồ ga hoặc giếng tách của cống bao DN630mm hiện có phía bờ Nam tự chảy về trạm bơm PS5.

- Cải tạo tuyến cống hiện trạng phía thượng lưu hồ Bàu Sen (*đoạn từ đường Võ Văn Dũng đến hồ Bàu Sen*).

- Xây dựng mới mạng cống thoát nước khu vực Hóc Bà Bép.

- Xây dựng tuyến cống đường Trần Hưng Đạo (*từ hẻm 1149 đến đường Trần Quốc Toản*).

- Xây dựng tuyến cống đường Bạch Đằng (*từ ngã ba Đoàn Thị Điểm – Trần Hưng Đạo đến điểm cuối tại Ngã tư Phan Đình Phùng – Bạch Đằng*).

- Xây dựng hệ thống cống cấp ba: Chiều dài 28,854 km đầu nối vệ sinh hộ gia đình, tăng khả năng thu gom và xử lý hiệu quả. Khu vực thu gom bao gồm các tuyến khu vực trung tâm thành phố và khu vực phường Trần Quang Diệu nhằm đưa hết nước thải về Nhà máy Nhơn Bình và Nhà máy Bàu Lác để xử lý.

- Xây dựng nâng công suất Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình từ 14.000m³/ng.đ lên 28.000m³/ngđ (bao gồm Hệ thống xử lý bùn và Hệ thống xử lý mùi).

- Xây dựng mở rộng bãi rác Long Mỹ rộng 8,52ha và Xây dựng nâng cấp trạm xử lý nước rỉ rác nhằm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật xử lý nước rỉ rác trước khi bơm đến Nhà máy XLNT 2A.

- Xây dựng 12 nhà vệ sinh của các trường tiểu học và trung học cơ sở còn lại trên địa bàn thành phố Quy Nhơn nhằm cải thiện điều kiện vệ sinh, nâng cao sức khỏe và ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh và cộng đồng.

- Xây dựng lắp đặt hệ thống SCADA: Xây dựng lắp đặt hệ thống SCADA nội bộ cho các trạm bơm nước thải, Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình, Bàu Lác và trạm xử lý nước rỉ rác để phù hợp với việc khai thác vận hành và quản lý. Xây dựng hệ thống SCADA tổng thể các hạng mục của Dự án phục vụ công tác điều khiển, giám sát, lưu trữ dữ liệu.

2.2 Hợp phần 2: Cải thiện kết nối đô thị:

Xây dựng Cầu chữ Y và Cầu Huỳnh Tấn Phát nhằm mục đích rút ngắn được thời gian di chuyển của người dân trong khu vực hưởng lợi đến trung tâm thành phố, tăng cường khả năng kết nối các khu vực dân cư.

2.3 Hợp phần 3: Bồi thường và giải phóng mặt bằng:

Dự án có hai hợp phần gây tác động đến thu hồi đất và tái định cư bao gồm: Hợp phần 1: Mở rộng bãi rác Long Mỹ và xây dựng nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình và Hợp phần 2: Xây dựng cầu Chữ Y và cầu Huỳnh Tấn Phát.

2.4 Hợp phần 4: Hỗ trợ thực hiện và cải cách thể chế dịch vụ công ích

- Hỗ trợ cải cách thể chế nhằm phát huy hiệu quả trong quá trình vận hành và đảm bảo tính bền vững của dự án;

- Tăng cường năng lực cho các Ban Quản lý dự án, các cơ quan quản lý; triển khai các chương trình truyền thông cộng đồng nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người dân trong vùng dự án;

- Xây dựng quy trình, cơ chế phối hợp quản lý và thực hiện giữa các cơ quan quản lý và chủ sở hữu... Học tập kinh nghiệm quản lý môi trường, giám sát các đơn vị cung cấp dịch vụ công ích...

- Hỗ trợ thực hiện dự án thông qua các gói thầu chuyên gia cao cấp quốc tế về quản lý hợp đồng, về cơ điện, tư vấn giám sát, tư vấn độc lập về giám sát an toàn xã hội - tái định cư, giám sát môi trường, kiểm toán, tư vấn độc lập hỗ trợ kỹ thuật, đánh giá hoàn thành dự án theo các quy định của Ngân hàng Thế giới và các gói thầu tư vấn thẩm tra, thẩm định, kiểm định, quản lý khác theo quy định của Chính phủ.

3. Giá trị tổng mức đầu tư: 55.304.089 USD (Năm mươi lăm triệu, ba trăm lẻ bốn nghìn, không trăm tám mươi chín Đô la)

DVT: USD

TT	Nội dung công việc	Kinh phí đầu tư đã phê duyệt theo Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh	Kinh phí đầu tư đã phê duyệt điều chỉnh, bổ sung theo Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của UBND tỉnh
1	Hợp phần 1: Mở rộng hạ tầng vệ sinh	33.418.536	34.059.228

2	Hợp phần 2: Cải thiện kết nối đô thị	3.456.160	3.456.160
3	Hợp phần 3: Bồi thường và giải phóng mặt bằng	564.399	564.399
4	Hợp phần 4: Hỗ trợ thực hiện và cải cách thể chế dịch vụ công ích	3.497.712	3.480.553
5	Dự phòng trượt giá và phát sinh khối lượng	8.130.922	8.255.628
6	Thuế VAT (10%)	4.850.333	4.925.156
7	Chi phí lãi vay trong quá trình xây dựng và phí lãi vay	1.386.027	562.965
	Tổng cộng	55.304.089	55.304.089

4. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ODA và Vốn đối ứng:

- Vốn ODA: 50.083.278 USD bao gồm:
 - . Vốn IDA: 44.958.182 USD
 - . Vốn IBRD: 5.125.096 USD
- Vốn đối ứng: 5.220.811 USD

5. Cơ chế vay vốn:

- Vốn IDA: Tính vay lại 30%, Ngân sách Trung ương cấp phát 70%. Thời gian đáo hạn 25 năm, ân hạn 05 năm;
- Vốn IBRD: Tính vay lại 100%, Thời gian đáo hạn 29 năm, ân hạn 10 năm;
- Vốn đối ứng: 100% ngân sách tỉnh.

6. Thời gian thực hiện: 05 năm, từ tháng 01/2018 - 31/12/2022.

III. Kết quả thực hiện dự án:

1. Tiến độ thực hiện các hợp đồng đến thời điểm hiện nay:

a) Bốn (4) hợp đồng tư vấn đã được ký kết kịp thời, bao gồm Tư vấn thiết kế giai đoạn 2 (gói thầu QN-1.21), Tư vấn giám sát xây dựng (QN-1.22), Tư vấn Giám sát an toàn môi trường và xã hội (QN-1.25) và Tư vấn kiểm toán độc lập giai đoạn 1 (QN-1.27): đã thực hiện giải ngân, thanh toán cho Tư vấn.

b) Chín (9) hợp đồng xây lắp đã ký kết (QN-1.1, QN-1.2, QN-1.3, QN-2.1 và QN-1.2A, QN-1.4, QN-1.5, QN-1.6A và QN-1.8) đã thực hiện giải ngân, thanh toán cho các Nhà thầu. Tiến độ thực hiện cơ bản các gói thầu đáp ứng yêu cầu, cụ thể:

+ Hợp đồng QN-2.1 (Xây dựng hai cầu chữ Y và cầu Huỳnh Tấn Phát): Giá trị hợp đồng là 58.971.253.000 đồng. Giá trị khối lượng đã thực hiện là 42,7 tỷ đồng (72,5% giá trị hợp đồng). Thời gian dự kiến hoàn thành tháng 4/2021.

+ Hợp đồng QN-1.1 (Xây dựng cống hộp thay thế kênh hở Phú Hòa): Giá trị hợp đồng là 48.067.552.000 đồng. Ngày ký hợp đồng: 02/8/2019. Giá trị khối lượng đã thực hiện là 39,72 tỷ đồng (82,63% giá trị hợp đồng). Thời gian dự kiến hoàn thành tháng 4/2021.

+ Hợp đồng QN-1.2 (Xây dựng cụm xử lý nước rỉ rác Long Mỹ công suất 400 m³/ng.đ): Giá trị hợp đồng là 49.025.089.000 đồng. Ngày ký hợp đồng: 02/8/2019. Giá trị khối lượng đã thực hiện là 39,0 tỷ đồng (79,5% giá trị hợp đồng). Thời gian dự kiến hoàn thành tháng 4/2021.

+ Hợp đồng QN-1.2A (Trạm biến áp và đường dây trung thế cho Trạm xử lý nước rỉ rác Long Mỹ): Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng với giá trị khối lượng hoàn thành công trình là 1,345 tỷ đồng và đã ban hành chứng nhận hoàn thành công trình trong tháng 12/2020.

+ Hợp đồng QN-1.3 (Xây dựng nhà vệ sinh trường học): Đã hoàn thành bàn giao đưa công trình vào sử dụng từ ngày 31/12/2019 và Hoàn thành công tác thanh quyết toán công trình trong tháng 6/2020. Giá trị khối lượng hoàn thành công trình và đã giải ngân là 11,66 tỷ đồng (100% giá trị hợp đồng).

+ Hợp đồng QN-1.4 (Cải tạo công chung thoát nước thượng lưu hồ Bàu Sen và đường Bạch Đằng): Giá trị Hợp đồng là 19.846.503.000 đồng. Ngày ký hợp đồng: 15/8/2020. Giá trị khối lượng đã thực hiện là 3,4 tỷ đồng (17,13% giá trị hợp đồng). Thời gian dự kiến hoàn thành tháng 9/2021.

+ Hợp đồng QN-1.5 (Xây dựng các tuyến cống hộp tại khu vực Hóc Bà Bép): Giá trị Hợp đồng là 33.910.895.000 đồng. Ngày ký hợp đồng: 18/9/2020. Giá trị khối lượng đã thực hiện 0,52 tỷ đồng (1,7% giá trị hợp đồng). Thời gian dự kiến hoàn thành tháng 9/2022.

+ Hợp đồng QN-1.6A (Xây dựng các tuyến cống cấp 3 – ưu tiên 1): Giá trị Hợp đồng là 17.123.064.000 đồng. Ngày ký hợp đồng: 15/10/2020. Nhà thầu đang triển khai thi công mạng cấp 3 và cống hộp đúc sẵn 400x400. Thời gian dự kiến hoàn thành tháng 4/2022.

+ Hợp đồng QN-1.8 (Xây dựng mở rộng khu chôn lấp chất thải rắn Long Mỹ): Giá trị Hợp đồng: 51.081.940.000 đồng. Ngày ký hợp đồng: 30/9/2020. Đã bàn giao mặt bằng cho Nhà thầu triển khai thi công vào ngày 20/01/2021. Thời gian dự kiến hoàn thành tháng 11/2022.

2. Đến nay các Hợp đồng Tư vấn và Xây lắp của dự án đã triển khai thực hiện; đến nay chỉ còn 03 gói thầu đang tổ chức thực hiện như sau:

- Gói thầu QN-1.11 (Cung cấp và lắp đặt thiết bị tự động hóa, khử mùi và thiết bị vận hành cho các trạm bơm và nhà máy XLNT) sẽ phát hành Hồ sơ mời thầu vào tháng 4/2021.

- Gói thầu QN-1.7: (Mở rộng Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình): Ban QLDA đã trình Ngân hàng Thế giới về kết quả lựa chọn Nhà thầu và triển khai ký kết hợp đồng xây lắp trong tháng 4/2021 để tổ chức thực hiện. Thời gian hoàn thành hợp đồng vào tháng 9/2022.

- Gói thầu QN-1.6B: Xây dựng mạng công cấp 3 (ưu tiên 2) của dự án: Hồ sơ thiết kế dự toán đã trình UBND tỉnh phê duyệt; trong tháng 4/2021 sẽ phát hành hồ sơ mời thầu và tổ chức triển khai ký kết hợp đồng xây lắp trong tháng 5/2021. Thời gian hoàn thành hợp đồng vào tháng 9/2022.

Như vậy đến nay chỉ còn lại gói thầu cung cấp thiết bị (QN-1.11) và gói thầu QN-1.6B: Xây dựng mạng công cấp 3 trong Dự án được duyệt chưa tổ chức lựa chọn nhà thầu, với tổng giá trị khoảng 60 tỷ đồng.

IV. Nội dung đề xuất sử dụng vốn kết dư của Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn, thuộc Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải:

Trong quá trình tổ chức đấu thầu mang tính cạnh tranh và qua kết quả kiểm tra, rà soát các gói thầu đang thực hiện trong giai đoạn 18 tháng thuộc giai đoạn 1 và các gói thầu xây lắp đang triển khai thuộc giai đoạn 2 của Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn vừa tổ chức đấu thầu và ký kết hợp đồng, vốn dư còn lại là 19,571 triệu USD so với Hiệp định đã ký kết và Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục Dự án “Môi trường bền vững các thành phố duyên hải”, vốn vay Ngân hàng Thế giới, cụ thể số vốn dư còn lại là:

- *Vốn IDA (vay lại 30%, cấp phát 70%): 17.735.000USD*

- *Vốn IBRD (vay lại 100%): 1.836.000 USD*

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính trình Thủ tướng Chính phủ quan tâm cho chủ trương sử dụng vốn kết dư để đầu tư các hạng mục bổ sung vào các Hợp phần 1 (Mở rộng hạ tầng vệ sinh) và Hợp phần 2 (Cải thiện đô thị) thuộc Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn, với các nội dung như sau:

1. Sự cần thiết đầu tư

Sử dụng số kinh phí còn lại theo Hiệp định đã ký (bao gồm vốn IDA là 17.735.000 USD và vốn vay IBRD là 1.836.000 USD) do tiết kiệm trong quá trình thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và giảm chi phí trong quá trình đấu thầu để đầu tư cho các hạng mục thuộc hợp phần 1- Mở rộng hạ tầng vệ sinh và hạng mục 2 - cải thiện đô thị, với sự cần thiết đầu tư như sau:

- Tập trung giải quyết các khu vực còn lại thường xuyên bị ngập lụt ở khu vực trung tâm thành phố và vùng phụ cận mà dự án CCSEP chưa được đầu tư. Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống các tuyến công cấp 1, 2 thuộc khu vực nội thành và ngoại thành thành phố Quy Nhơn; nâng cao hiệu quả xử lý của Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình và Nhà máy xử lý nước thải 2A nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường cho khu vực thuộc dự án, hướng tới hoàn thiện hệ thống thoát nước cho toàn thành phố Quy Nhơn; Cải tạo, chỉnh trang các tuyến đường thoát nước hiện

trạng đã xuống cấp (tại đường Nguyễn Đình Hoàng, khu vực giao giữa đường Hùng Vương – Võ Thị Sáu) để đảm bảo tiêu thoát và giảm tình trạng ngập úng trên địa bàn thành phố Quy Nhơn.

Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước khu vực phường Nhơn Bình nhằm giải thiểu tình trạng ngập úng tại ngã ba Ông Thọ đến đường Điện Biên Phủ vào mùa mưa và từng bước thu gom triệt để nước thải hộ gia đình đưa về Nhà máy XLNT Nhơn Bình.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu vực 2 phường Ghềnh Ráng phù hợp theo Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch điều chỉnh phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị khoa học và giáo dục Quy Hòa, cụ thể:

Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa nhằm giải quyết tình trạng ngập úng trong khu vực vào mùa mưa; hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt nhằm nâng cao chất lượng sống của người dân đang sinh sống trong khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn.

Đầu tư hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật kết nối khu dân cư hiện trạng với các phân khu chức năng và kết nối với khu vực trung tâm thành phố Quy Nhơn, giải quyết vấn đề về lưu lượng giao thông trong tương lai của thành phố.

- Giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường bằng hệ thống thu gom nước thải bao gồm cả cống cấp 3, trạm bơm nước thải, tuyến ống áp lực và các hồ thu nước mưa. Bảo vệ nguồn nước ngầm và nước mặt từ các tải lượng ô nhiễm trong khu vực của dự án thông qua việc xây dựng hệ thống thu gom nước thải.

- Giải quyết triệt để các vấn đề tiêu thoát nước một cách nhanh chóng, hiệu quả ra khỏi khu dân cư nhằm cải thiện điều kiện vệ sinh cho cộng đồng dân cư, giảm thiểu mùi hôi, giảm thiểu nguy cơ bệnh tật có liên quan đến nước, cải thiện sức khỏe và nâng cao điều kiện sống của nhân dân.

- Nhằm từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng theo Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quy Nhơn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ; phù hợp theo Quyết định số 1674/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 12 phường nội thành, thành phố Quy Nhơn, để góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc quy hoạch phát triển hạ tầng đô thị, sự tăng trưởng kinh tế xã hội của thành phố Quy Nhơn trong tương lai.

2. Các hợp phần đề xuất đầu tư bổ sung:

a) Hợp phần 1: Mở rộng hạ tầng vệ sinh

- Đầu tư tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng (Quy Hòa) thành phố Quy Nhơn như sau:

+ Xây dựng hệ thống thoát nước mưa bao gồm xây dựng các tuyến cống hộp và cống tròn thoát nước mưa.

+ Xây dựng hệ thống thoát nước thải gồm xây dựng các tuyến cống thu

gom nước thải sinh hoạt về trạm xử lý và các trạm bơm nước thải, tuyến cống áp lực và trạm xử lý nước thải.

- Đầu tư tại Khu vực trung tâm thành phố Quy Nhơn, như sau:

+ Chỉnh trang, nạo vét tuyến mương thoát nước hiện trạng đường Nguyễn Đình Hoàng thuộc phường Nhơn Bình;

+ Cải tạo, nạo vét các công trình hiện trạng nhằm giảm tình trạng ngập nước tại khu vực giao giữa đường Hùng Vương – Võ Thị Sáu, gồm: (i) Tuyến mương hở hiện trạng từ ngã ba Hùng Vương – Võ Thị Sáu đến đường Điện Biên Phủ; (ii) Tuyến mương hở dọc tuyến đường Hùng Vương nằm dưới chân taluy tuyến đường sắt; (iii) Cải tạo cống thoát nước tại đường Nguyễn Trọng Trì.

+ Chỉnh trang công viên hiện trạng khu vực eo sân bay (cũ) và xây dựng 4 nhà vệ sinh công cộng;

+ Đầu tư đoạn đường vào Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình;

+ Xây dựng hệ thống thu gom nước thải, trạm bơm, tuyến ống áp lực cho khu dân cư hiện trạng thuộc KV1 phường Nhơn Bình (từ ngã ba Ông Thọ về đường Điện Biên Phủ) về Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình.

+ Xây dựng trạm bơm và tuyến ống áp lực để thu gom nước thải cho khu vực phía Bắc Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình (nhằm mục đích đón nhận nước thải của các khu đô thị hiện trạng và tương lai).

+ Xây dựng hệ thống thu gom nước thải, trạm bơm, tuyến ống áp lực về Nhà máy XLNT 2A cho khu vực phường Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân.

b) Hợp phần 2: Cải thiện kết nối đô thị

Xây dựng 1,8km tuyến đường theo quy hoạch cho khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, bao gồm:

- + Tuyến đường ĐS1 có chiều rộng B=23m, chiều dài L=1,2km.
- + Tuyến đường ĐS2 có chiều rộng B=24m, chiều dài L=0,6km.

3. Kinh phí đầu tư cho các hạng mục bổ sung: 19.571.342 USD (Mười chín triệu, năm trăm bảy mươi một nghìn, ba trăm bốn mươi hai Đô la)

ĐVT: USD

TT	Hạng mục công việc	Giá trị (USD)		
		Phần vốn vay WB		Tổng cộng
		IDA	IBRD	
I	Chi phí xây dựng	13.898.892	1.531.480	15.430.372
1	<i>Hợp phần 1: Mở rộng hạ tầng vệ sinh</i>	13.898.892		13.898.892
2	<i>Hợp phần 2: Cải thiện kết nối đô thị</i>		1.531.480	1.531.480

II	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	891.798		891.798
III	VAT (10%)	1.479.031	153.148	1.632.179
IV	Dự phòng phí (10%)	1.465.458	151.535	1.616.993
	Tổng cộng	17.735.179	1.836.163	19.571.342

4. Tổng mức đầu tư sau khi điều chỉnh, bổ sung: 55.304.089 USD (Năm mươi lăm triệu, ba trăm lẻ bốn nghìn, không trăm tám mươi chín Đô la), vẫn giữ nguyên không tăng tổng mức đầu tư đã được phê duyệt.

DVT: USD

TT	Nội dung	Nguồn vốn	Tổng mức đầu tư theo PDO được duyệt	Tổng mức đầu tư theo Hiệp định (PAD)	Kết quả đã thực hiện	Đề xuất sử dụng vốn dư	Tổng mức đầu tư sau khi điều chỉnh
1	2	3	4	5	6	7	8=5+7
1	Hợp phần 1: Mở rộng hạ tầng vệ sinh	IDA	37.169.228	34.059.228	23.577.523	14.790.690	38.368.213
2	Hợp phần 2: Cải thiện kết nối đô thị	IBRD	4.210.395	3.456.160	2.478.153	1.531.480	4.009.633
3	Hợp phần 3: Bồi thường và giải phóng mặt bằng	Đối ứng	1.694.000	564.399	564.399		564.399
4	Hợp phần 4: Hỗ trợ thực hiện và cải cách thể chế dịch vụ công ích	Đối ứng	2.986.000	3.480.553	3.480.553		3.480.553
5	Các chi phí khác: Dự phòng, VAT và Chi phí lãi vay	IDA	7.805.538	10.898.954	3.645.480	2.944.489	6.589.969
		IBRD	884.183	1.668.936	810.780	304.683	1.115.463
		Đối ứng	564.060	1.175.859	1.175.859		1.175.859
	Tổng cộng		55.314.000	55.304.089	35.732.747	19.571.342	55.304.089

V. Báo cáo giải trình và đề xuất, kiến nghị:

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 1721/BKHĐT-

KTĐN ngày 29/3/2021 và Bộ Tài chính tại Văn bản số 3152/BTC-QLN ngày 29/3/2021 về việc sử dụng vốn vay dư Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn;

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo, giải trình với Thủ tướng Chính phủ với các nội dung như sau:

1. Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 1721/BKHĐT-KTĐN ngày 29/3/2021:

a) Hiện nay UBND tỉnh đã tổ chức triển khai hầu hết các gói thầu theo Hiệp định và dự án được duyệt, chỉ còn lại 01 gói thầu xây lắp và gói thầu thiết bị với chi phí khoảng 60 tỷ đồng. Do đó UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ đã xác định chính xác vốn dư là 19,571 triệu USD.

b) Về sự hiệu quả, cần thiết và tính khả thi của việc sử dụng vốn vay dư Dự án:

UBND tỉnh Bình Định đã rà soát và thống nhất với Ngân hàng Thế giới về đầu tư các hạng mục bổ sung sử dụng vốn dư (*Trong Chuyến giám sát thực hiện dự án số 6 của Đoàn công tác Ngân hàng Thế giới, tại Thư ngày 15/01/2021 của Bà Carolyn Turk - Giám đốc quốc gia Ngân hàng Thế giới - Khu vực Đông Á và Thái Bình Dương đã thống nhất về mặt kỹ thuật về các hạng mục đầu tư đồng thời thống nhất cho sử dụng vốn kết dư là 19,5 triệu USD để đầu tư các hạng mục bổ sung của Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn thuộc Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải*);

Nguồn vốn dư còn lại là 19,571 triệu USD so với Hiệp định đã ký kết và Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục Dự án “Môi trường bền vững các thành phố duyên hải”, vốn vay Ngân hàng Thế giới, cụ thể số vốn dư còn lại là:

- *Vốn IDA (vay lại 30%, cấp phát 70%): 17.735.000USD*

- *Vốn IBRD (vay lại 100%): 1.836.000 USD*

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính trình Thủ tướng Chính phủ quan tâm cho chủ trương sử dụng vốn kết dư để đầu tư các hạng mục bổ sung vào các Hợp phần 1 (Mở rộng hạ tầng vệ sinh) và Hợp phần 2 (Cải thiện đô thị) thuộc Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn.

UBND tỉnh cam kết với Thủ tướng Chính phủ và Nhà tài trợ (WB) sẽ triển khai các hạng mục đầu tư bổ sung sử dụng vốn dư cam kết hoàn thành trước ngày đóng Hiệp định ngày 31/12/2022.

c) Về xác định sự hiệu quả, cần thiết và khả thi của việc sử dụng vốn vay dư, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo sự cần thiết đầu tư các hạng mục bổ sung như sau:

Nhằm từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng theo Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quy Nhơn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ; phù hợp theo Quyết định

số 1674/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 12 phường nội thành, thành phố Quy Nhơn, để góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc quy hoạch phát triển hạ tầng đô thị, sự tăng trưởng kinh tế xã hội của thành phố Quy Nhơn trong tương lai.

d) Về các hạng mục sử dụng vốn IDA dư:

UBND tỉnh Bình Định cam kết sẽ thực hiện rà soát, đảm bảo các hạng mục chi phí của Dự án theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 29/6/2019 về việc chỉ sử dụng vốn vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài cho chi đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên. Đối với hạng mục thuế giá trị gia tăng (VAT), UBND tỉnh Bình Định cam kết không sử dụng vốn vay và chuyển sang bố trí vốn đối ứng.

đ) Về vốn đối ứng tăng thêm do sử dụng vốn vay dư:

UBND tỉnh Bình Định đã chỉ đạo rà soát, tính toán lại số vốn đối ứng cần bố trí thêm do sử dụng vốn vay IDA dư của WB đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời tổng mức vốn đối ứng sau khi điều chỉnh vẫn giữ nguyên và không vượt 5,244 triệu USD theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục Dự án “Môi trường bền vững các thành phố duyên hải” vay vốn Ngân hàng Thế giới.

Đối với hạng mục hỗ trợ thực hiện và cải cách thể chế dịch vụ công ích, sau khi Thủ tướng Chính phủ cho chủ trương thống nhất, UBND tỉnh Bình Định sẽ thực hiện rà soát, xem xét sự cần thiết đầu tư đối với các hạng mục này.

Trong Chuyến giám sát thực hiện dự án số 6 của Đoàn công tác Ngân hàng Thế giới; Bà Carolyn Turk, Giám đốc quốc gia Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam Khu vực Đông Á và Thái Bình Dương đã có Thư ngày 15/01/2021; theo đó đã thống nhất về mặt kỹ thuật cho sử dụng vốn kết dư là 19,5 triệu USD (*trong đó vốn IDA: 17,7 triệu USD, vốn IBRD: 1,8 triệu USD*) để bổ sung các hạng mục đầu tư mới cho Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn thuộc Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải.

Từ các nội dung nêu trên, UBND tỉnh Bình Định cam kết với Thủ tướng Chính phủ:

- Sẽ sử dụng vốn kết dư nêu trên phù hợp với các mục tiêu của dự án, không làm tăng tổng mức đầu tư của dự án đã được phê duyệt;

- Sử dụng đầu tư hạng mục bổ sung theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã được thống nhất trong Hiệp định tài trợ và Hiệp định vay; không sử dụng vốn dư cho chi trả công tác bồi thường giải mặt bằng, chi trả thuế và chi thường xuyên (*theo quy định tại khoản 2, điều 47 Nghị định 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ*);

- Đồng thời sẽ tập trung triển khai hoàn thành các hạng mục bổ sung trước ngày kết thúc Hiệp định (30/12/2022).

Nhằm để triển khai dự án theo đúng nội dung Hiệp định vay, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính trình Thủ tướng Chính phủ quan tâm cho chủ trương sử dụng vốn kết dư để đầu tư các hạng mục bổ sung thuộc Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn, để có đủ thời gian tổ chức triển khai các bước tiếp theo, bảo đảm đúng tiến độ và thời hạn Hiệp định.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính trình Thủ tướng Chính phủ quan tâm cho chủ trương để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ KH&ĐT;
- Ngân hàng Thế giới tại VN;
- TTTU (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TC, XD;
- Ban QLDA DD&CN;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K1, K14, K16, K17.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Phi Long

Phụ lục 1: TỔNG HỢP CHI PHÍ VỐN DƯ VÀ ĐỀ XUẤT SỬ DỤNG VỐN DƯ

Đơn vị tính: USD

TT	Nội dung	Nguồn vốn	Tổng mức đầu tư theo PDO được duyệt	Tổng mức đầu tư theo Hiệp định (PAD)	Kết quả đã thực hiện	Vốn dư	Đề xuất sử dụng vốn dư	Tổng mức đầu tư sau khi điều chỉnh
1	2	3	4	5	6	7=5-6	8	9=5+8
1	Hợp phần 1: Mở rộng hạ tầng vệ sinh	IDA	37.169.228	34.059.228	23.577.523	10.481.705	14.790.690	38.368.213
2	Hợp phần 2: Cải thiện kết nối đô thị	IBRD	4.210.395	3.456.160	2.478.153	978.007	1.531.480	4.009.633
3	Hợp phần 3: Bồi thường và giải phóng mặt bằng	Đối ứng	1.694.000	564.399	564.399	0		564.399
4	Hợp phần 4: Hỗ trợ thực hiện và cải cách thể chế dịch vụ công ích	Đối ứng	2.986.000	3.480.553	3.480.553	0		3.480.553
5	Các chi phí khác: Dự phòng, VAT và Chi phí lãi vay	IDA	7.805.538	10.898.954	3.645.480	7.253.474	2.944.489	6.589.969
		IBRD	884.183	1.668.936	810.780	858.156	304.683	1.115.463
		Đối ứng	564.060	1.175.859	1.175.859	0		1.175.859
	Tổng cộng		55.314.000	55.304.089	35.732.747	19.571.342	19.571.342	55.304.089

Ghi chú:

- Tổng vốn dư IDA là 17.735.179 USD và IBRD là: 1.836.163 USD (bao gồm chi phí xây dựng, dự phòng và VAT).
- Trên cơ sở các hạng mục đề xuất sử dụng vốn dư sẽ được tính toán, điều chỉnh lại giữa chi phí xây dựng và chi phí dự phòng, VAT cho phù hợp mà không làm thay đổi tổng vốn dư của từng nguồn.

Phụ lục 2: CHI TIẾT KẾT QUẢ ĐÃ THỰC HIỆN

TT	Tên gói thầu	Nguồn vốn	Giá trị hợp đồng đã ký/giá trị hợp đồng dự kiến							
			Giá trị xây dựng		Thuế VAT 10%		Dự phòng		Tổng cộng	
			1000 VND	Quy đổi USD	1000 VND	Quy đổi USD	1000 VND	Quy đổi USD	1000 VND	Quy đổi USD
I	Hợp phần 1: Cải thiện kết nối đô thị			23.577.523		2.357.752		1.287.728		27.223.003
1	QN-1.1: Xây dựng công hộp thay thế kênh hở Phú Hòa	IDA	43.697.775	1.894.221	4.369.777	189.422	0		48.067.552	2.083.643
2	QN-1.2: Xây dựng cụm xử lý nước rỉ rác Long Mỹ công suất 400m ³ /ng.đêm	IDA	44.568.263	1.931.955	4.456.826	193.195	0		49.025.089	2.125.150
3	QN-1.3: Xây dựng nhà vệ sinh trường học	IDA	10.915.935	473.186	1.091.593	47.319	602.000	26.096	12.609.528	546.601
4	QN-1.2A: Cung cấp và lắp đặt trạm biến áp 250kVA-22/0,4kV và đường dây trung thế 22kV cho Cụm xử lý nước rỉ rác Long Mỹ	IDA	1.239.471	53.334	123.947	5.333	0		1.363.418	58.667
5	QN-1.4: Cải tạo công chung thoát nước thượng lưu hồ Bàu Sen và đường Bạch Đằng	IDA	16.592.275	714.476	1.659.228	71.448	1.595.000	68.682	19.846.503	854.605

TT	Tên gói thầu	Nguồn vốn	Giá trị hợp đồng đã ký/giá trị hợp đồng dự kiến							
			Giá trị xây dựng		Thuế VAT 10%		Dự phòng		Tổng cộng	
			1000 VND	Quy đổi USD	1000 VND	Quy đổi USD	1000 VND	Quy đổi USD	1000 VND	Quy đổi USD
6	QN-1.5: Xây dựng các tuyến cống hộp tại khu vực Hóc Bà Bếp	IDA	28.416.268	1.224.364	2.841.627	122.436	2.653.000	114.309	33.910.895	1.461.110
7	QN-1.6A: Xây dựng các tuyến cống cấp 3 (ưu tiên 1)	IDA	14.229.149	613.167	1.422.915	61.317	1.471.000	63.389	17.123.064	737.872
8	QN-1.6B: Xây dựng các tuyến cống cấp 3 (ưu tiên 2)	IDA	53.167.587	2.381.527	5.316.759	238.153	4.405.000	197.312	62.889.346	2.816.992
9	QN-1.7: Xây dựng mở rộng, nâng công suất nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình lên 28.000m3/ngày	IDA	213.843.322	9.215.001	21.384.332	921.500	12.800.000	551.581	248.027.654	10.688.083
10	QN-1.8: Xây dựng mở rộng khu chôn lấp chất thải rắn Long Mỹ	IDA	41.849.036	1.803.138	4.184.904	180.314	5.048.000	217.502	51.081.940	2.200.954
11	QN-1.11: Cung cấp và lắp đặt thiết bị tự động hóa, khử mùi và thiết bị vận hành cho các trạm bơm, nhà máy xử lý nước thải	IDA	31.963.089	1.377.363	3.196.309	137.736	1.133.765	48.857	36.293.163	1.563.956

TT	Tên gói thầu	Nguồn vốn	Giá trị hợp đồng đã ký/giá trị hợp đồng dự kiến							
			Giá trị xây dựng		Thuế VAT 10%		Dự phòng		Tổng cộng	
			1000 VND	Quy đổi USD	1000 VND	Quy đổi USD	1000 VND	Quy đổi USD	1000 VND	Quy đổi USD
12	QN-1.21: Tư vấn khảo sát, thiết kế chi tiết và lập hồ sơ mời thầu cho các hạng mục còn lại của Hợp phần 1	IDA	12.192.417	535.295	1.219.242	53.530	0		13.411.659	588.825
13	QN-1.22: Tư vấn giám sát xây dựng cho Hợp phần 1 và Hợp phần 2 của dự án	IDA	14.861.626	653.833	1.486.163	65.383	0		16.347.789	719.216
14	QN-1.24: Chuyên gia độc lập thiết bị cơ điện và tự động hóa	IDA	3.125.500	140.000	312.550	14.000	0		3.438.050	154.000
15	QN-1.25: Tư vấn giám sát an toàn môi trường và xã hội	IDA	1.838.714	79.705	183.871	7.970	0		2.022.585	87.675
16	QN-1.27: Kiểm toán độc lập giai đoạn 1	IDA	901.866	38.969	90.187	3.897	0		992.053	42.866
17	QN-1.28: Kiểm toán độc lập giai đoạn 2	IDA	1.522.159	68.182	152.216	6.818	0		1.674.375	75.000
18	Mở rộng hợp đồng QN-1.22 để giám sát vốn kết dư	IDA	8.813.808	379.807	881.381	37.981			9.695.188	417.788
II	Hợp phần 2: Cải thiện			2.478.153		247.815				2.725.968

TT	Tên gói thầu	Nguồn vốn	Giá trị hợp đồng đã ký/giá trị hợp đồng dự kiến							
			Giá trị xây dựng		Thuế VAT 10%		Dự phòng		Tổng cộng	
			1000 VND	Quy đổi USD	1000 VND	Quy đổi USD	1000 VND	Quy đổi USD	1000 VND	Quy đổi USD
	<i>kết nối đô thị</i>									
1	QN-2.1: Xây dựng hai cầu Chữ Y và cầu Huỳnh Tấn Phát	IBRD	53.610.230	2.335.856	5.361.023	233.586	0		58.971.253	2.569.442
2	QN-1.22: Tư vấn giám sát xây dựng cho Hợp phần 1 và Hợp phần 2 của dự án	IBRD	3.234.403	142.297	323.440	14.230	0		3.557.843	156.526
III	<i>Hợp phần 3: Tái định cư và GPMB</i>	Đối ứng		564.399				56.440		620.839
IV	<i>Hợp phần 4: Hỗ trợ kỹ thuật và cải cách thể chế</i>	Đối ứng		3.480.553		423.309		696.110		4.599.972
V	<i>Chi phí lãi vay trong quá trình xây dựng và phí vay</i>	IBRD								562.965
	TỔNG CỘNG		600.582.893	30.100.628	60.058.289	3.028.876	29.707.765	2.040.278	690.348.947	35.732.747